

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 16/06/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	856,13	115,49
Thay đổi (%)	2,84%	1,47%
KLGD (triệu CP)	412,45	62,54
GTGD (tỷ VNĐ)	5.610,17	599,34
Số CP tăng giá	307	93
Số Cp đứng giá	41	61
Số Cp giảm giá	94	61

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,86	1,01
PE (lần)	13,54	9,27
Hệ số Beta	1,00	0,83
ROE (%)	17,41%	14,82%
ROA (%)	7,21%	5,12%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	117,98	1,63
GTGD (tỷ VNĐ)	2.886,89	21,16

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	690,02	4,74
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	634,03	10,64
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	55,99	5,90
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	50,09	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	798,82	20,11
VN30F2006	798,0	23,0
VN30F2007	785,4	22,4
VN30F2009	777,1	22,6
VN30F2012	774,9	20,9

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	25.763,16	0,62%
S&P 500 *	3.066,59	0,83%
DAX *	11.911,35	0,32%
FTSE 100 *	6.064,70	0,66%
Nikkei 225	22.582,21	4,88%
Hang Seng	24.344,09	2,39%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

VN-Index tăng mạnh hơn 23 điểm sau phiên giảm sâu, nhóm cổ phiếu VinGroup bất ngờ "dậy sóng".

Diễn biến thị trường:

Trái ngược với phiên giảm điểm sâu đầu tuần, thị trường chứng khoán Việt Nam đã bất ngờ mở cửa vô cùng tích cực. Dòng tiền đổ vào thị trường ngay từ những phút đầu giao dịch, giúp chỉ số VN-Index bật tăng mạnh, và duy trì được đà khởi sắc trong toàn bộ thời gian khớp lệnh. Trong đó, hàng loạt các cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm VinGroup đã hồi phục mạnh, và gần như lấy lại được hết những gì đã mất trong phiên trước đó. Cụ thể, cổ phiếu VHM tăng trần và đóng cửa ở mức gần 75.000 đồng/CP, VRE tăng trần lên 26.750 đồng, VIC tăng 4,9%, VNM tăng 4,5%, BVH tăng 4,2%, HPG tăng 3,1%,... Không chỉ vậy, các cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng như CTG, VCB, BID, VPB, TCB, ACB... cũng tăng điểm khá tích cực giúp VN-Index đóng cửa tăng mạnh tới gần 24 điểm.

Xét trên toàn thị trường, bên mua đang chiếm ưu thế hoàn toàn so với bên bán, khi có tới 307 mã tăng điểm trên sàn HOSE, và 93 mã trên sàn HNX. Sắc xanh phủ kín lên hầu hết các nhóm ngành, từ các nhóm cổ phiếu mang tính thị trường như chứng khoán, dầu khí, xây dựng, bất động sản cho đến các cổ phiếu thủy sản, dệt may hay khu công nghiệp. Ở chiều ngược lại, một số cổ phiếu tăng khá "nóng" thời gian qua như ITA, HBC, STB chịu áp lực chốt lời khá mạnh và phải đóng cửa giảm điểm. Trên TTCK Phái sinh, dù đồng loạt đóng cửa tăng điểm mạnh, nhưng cả 4 HĐTL đều đang duy trì basis âm, cho thấy tâm lý của giới đầu tư vẫn còn khá thận trọng với xu hướng thị trường.

Giao dịch khối ngoại trong phiên hôm nay cũng diễn ra khá tích cực khi họ tiếp tục mua ròng khoảng 50 tỷ đồng trên cả hai sàn, cụ thể khối này mua ròng 56 tỷ đồng trên sàn HOSE, và bán ròng 5,9 tỷ đồng trên sàn HNX. Lực mua chủ yếu tập trung vào các cổ phiếu VN30 như VHM, HPG, VRE,...

Diễn biến CP CSI:

Diễn biến của mã CSI vẫn khá trầm lắng khi không có cổ phiếu nào được khớp lệnh thành công. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 13.000 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Phiên hồi phục khá tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam, với việc chỉ số VN-Index duy trì sắc xanh trong suốt toàn bộ thời gian giao dịch, và đóng cửa tăng tới gần 24 điểm. Thanh khoản trong phiên hôm nay đã không còn đột biến như phiên giao dịch đầu tuần, và chỉ đạt khoảng 3.300 tỷ đồng trên cả hai sàn, cho thấy tâm lý giới đầu tư đã bắt đầu có sự thận trọng hơn. Chúng tôi nhận thấy rằng, dù hồi phục mạnh về mặt điểm số, song lực cầu chủ yếu chỉ hướng tới các cổ phiếu vốn hóa lớn, và chưa đủ để áp đảo xu hướng điều chỉnh. Cùng với lượng thanh khoản đang có dấu hiệu sụt giảm, thì khả năng cao đà hồi phục này sẽ không kéo dài. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị quý nhà đầu tư tận dụng những phiên tăng điểm của thị trường để hạ tỷ trọng cổ phiếu, đưa danh mục về trạng thái an toàn. Còn ở vị thế mua, cần thận trọng và chỉ mua thăm dò những mã CP thực sự đột phá với khối lượng liên tục tăng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TIÊU CỰC	MACD	TIÊU CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TIÊU CỰC
MA Ngắn hạn	TIÊU CỰC	MA65	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TIÊU CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Sự hồi phục mạnh của thị trường khu vực Châu Á đã tác động tích cực, giúp tâm lý của giới đầu tư trong nước phần khởi, kích thích dòng tiền bắt đáy gia nhập thị trường, đẩy biên độ tăng điểm khá cao trong ngày giao dịch hôm nay. Biên độ tăng điểm khá tốt, nhưng điểm trừ là thanh khoản giảm đi đáng kể cho thấy lực cầu chỉ tập trung vào nhóm CP vốn hóa lớn.

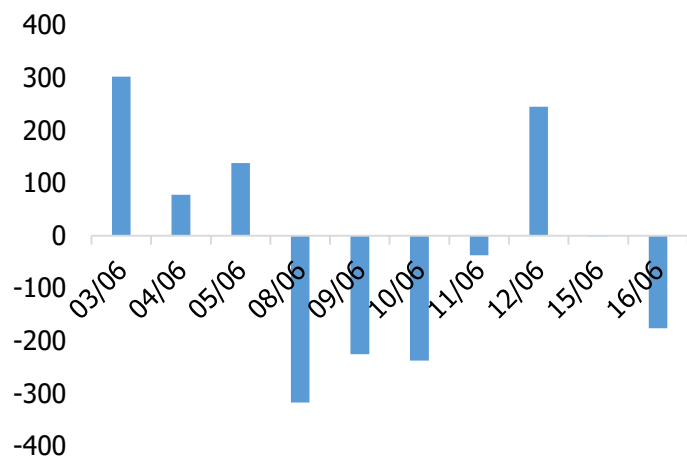
Trong mấy phiên trở lại đây, biên độ biến động của thị trường rất lớn, xen kẽ giữa phiên tăng/phiên giảm khiến tâm lý của giới đầu tư dao động rất mạnh và thay đổi thường xuyên. Xét về kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy xu hướng điều chỉnh đã chiếm ưu thế hơn, nhưng vì những phiên điều chỉnh quá lớn về biên độ và xảy ra quá bất ngờ trong thời gian quá ngắn khiến thị trường mất cân bằng. Vì vậy, xác suất cao là thị trường sẽ xuất hiện các nhịp kéo lại và có khả năng sẽ tăng điểm đến ngưỡng kháng cự (876 -885) điểm. Nhưng dù sao ở thời điểm nay quan điểm của chúng tôi vẫn là căn bán, giảm tỷ trọng, ưu tiên bán khi thị trường hồi phục đến ngưỡng kháng cự trên. Còn ở vị thế mua, cần thận trọng và chỉ mua thăm dò những mã CP thực sự đột phá với khối lượng liên tục tăng.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

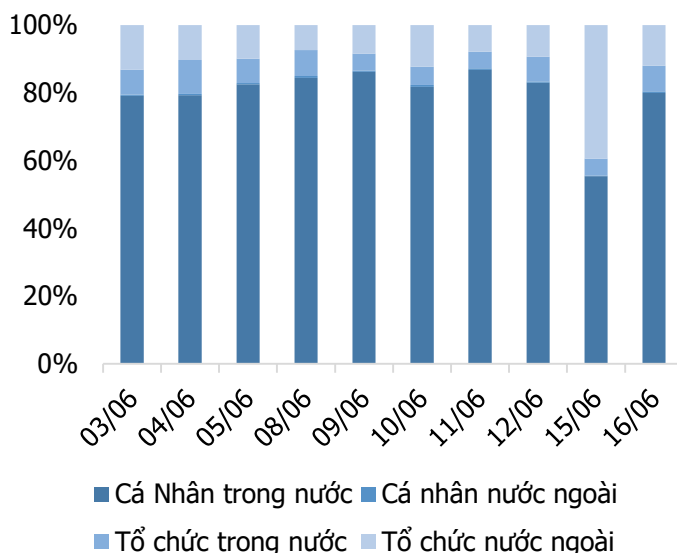
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



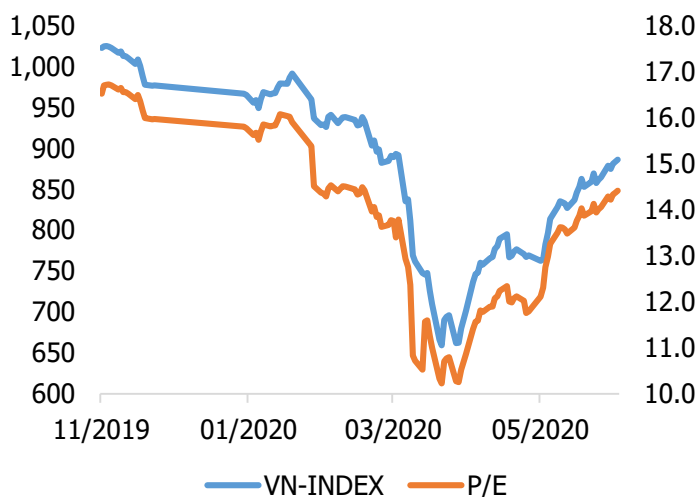
Giao dịch theo NĐT



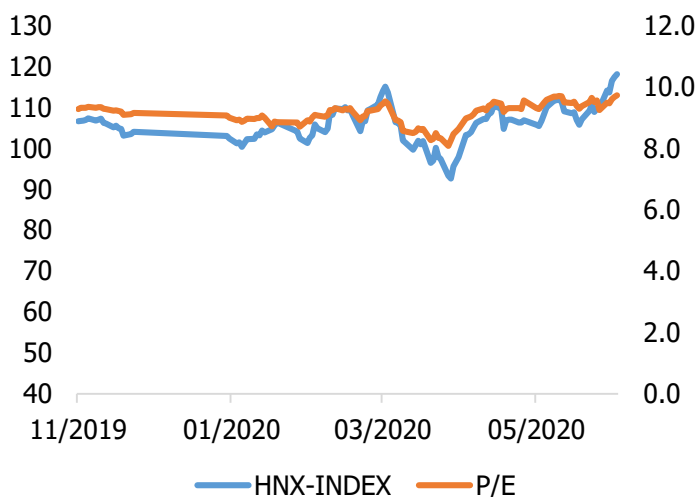
Vn-indexen – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
MBB	17,400	13,055.35
FPT	46,600	11,159.21
HPG	26,200	11,034.39
MWG	84,400	10,011.80
VCB	83,700	8,758.82

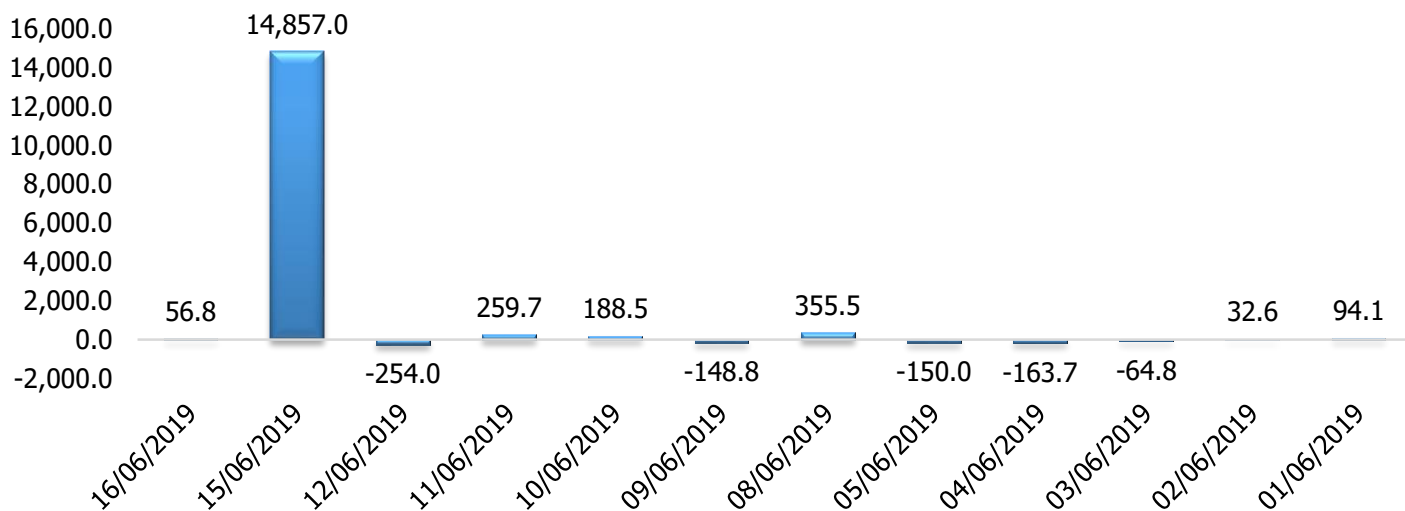
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
PDN	67,700	134,470.00
TNI	6,640	19,786.02
VHM	74,900	17,060.30
FPT	46,600	12,677.32
HPG	26,200	9,007.90

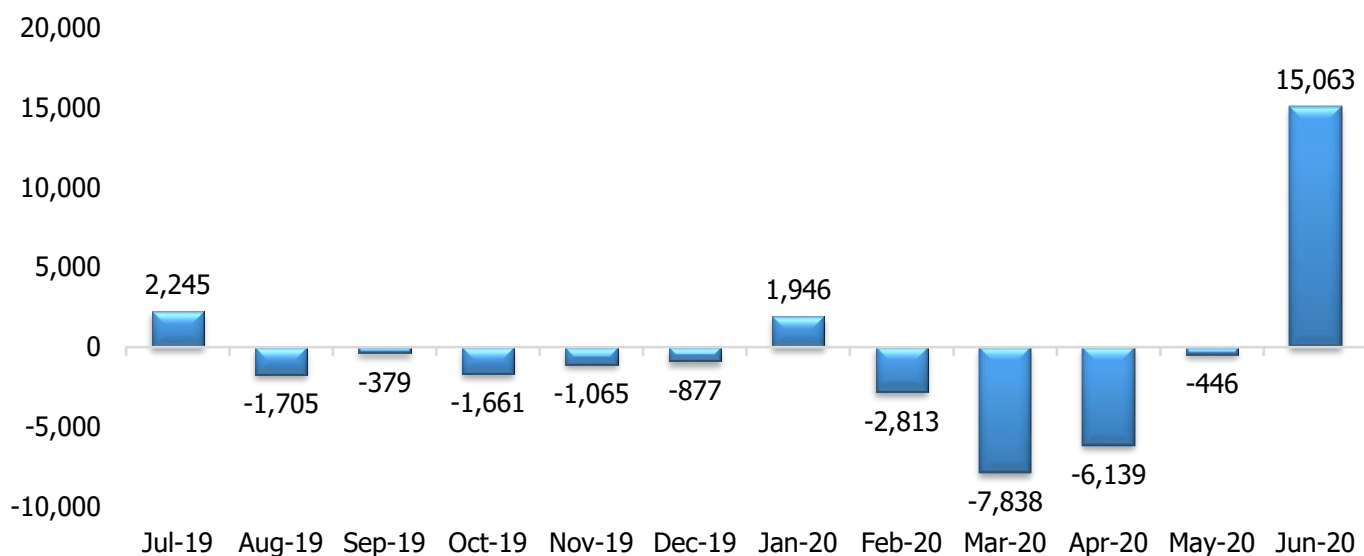
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

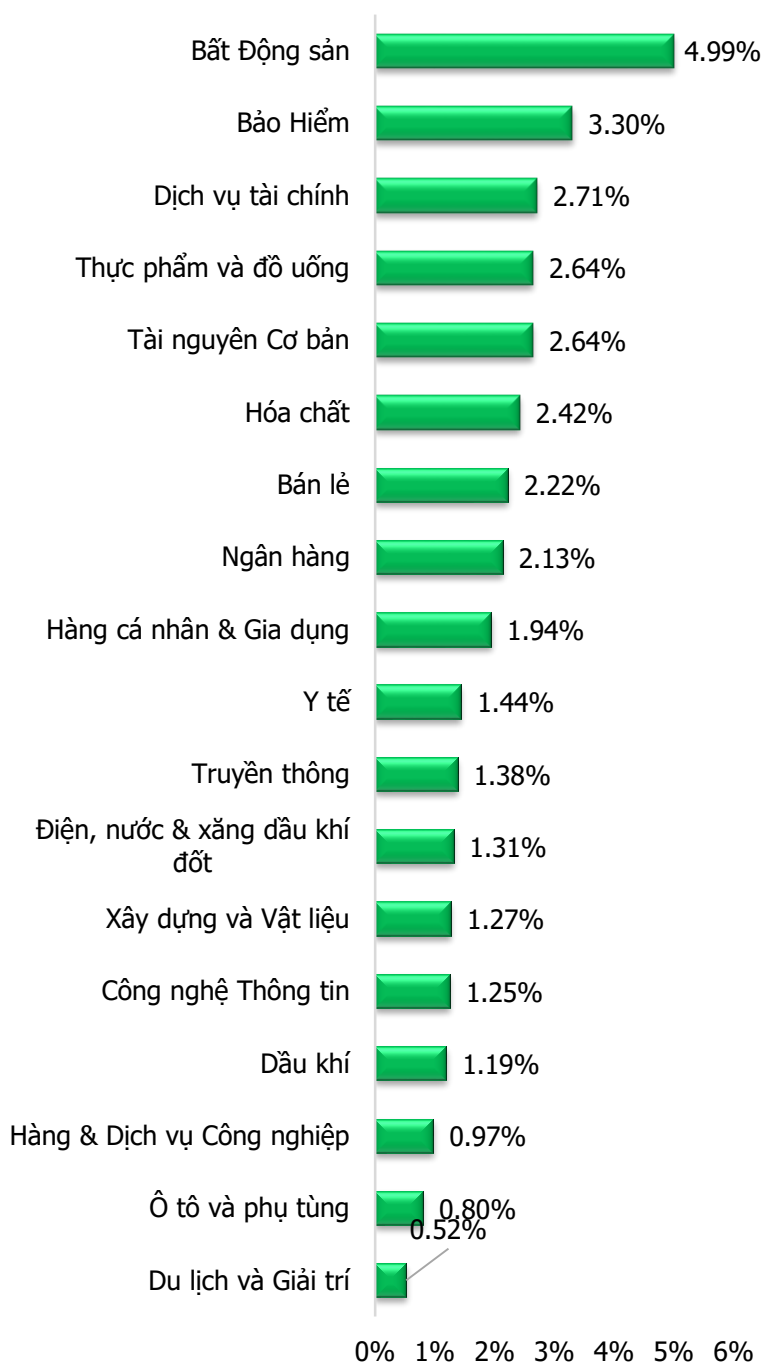
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VHM	42.74	VCB	31.30
HPG	24.02	STB	22.46
SSI	16.64	VJC	16.84
DXG	15.72	GAS	10.93
VRE	10.44	HDB	10.89

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

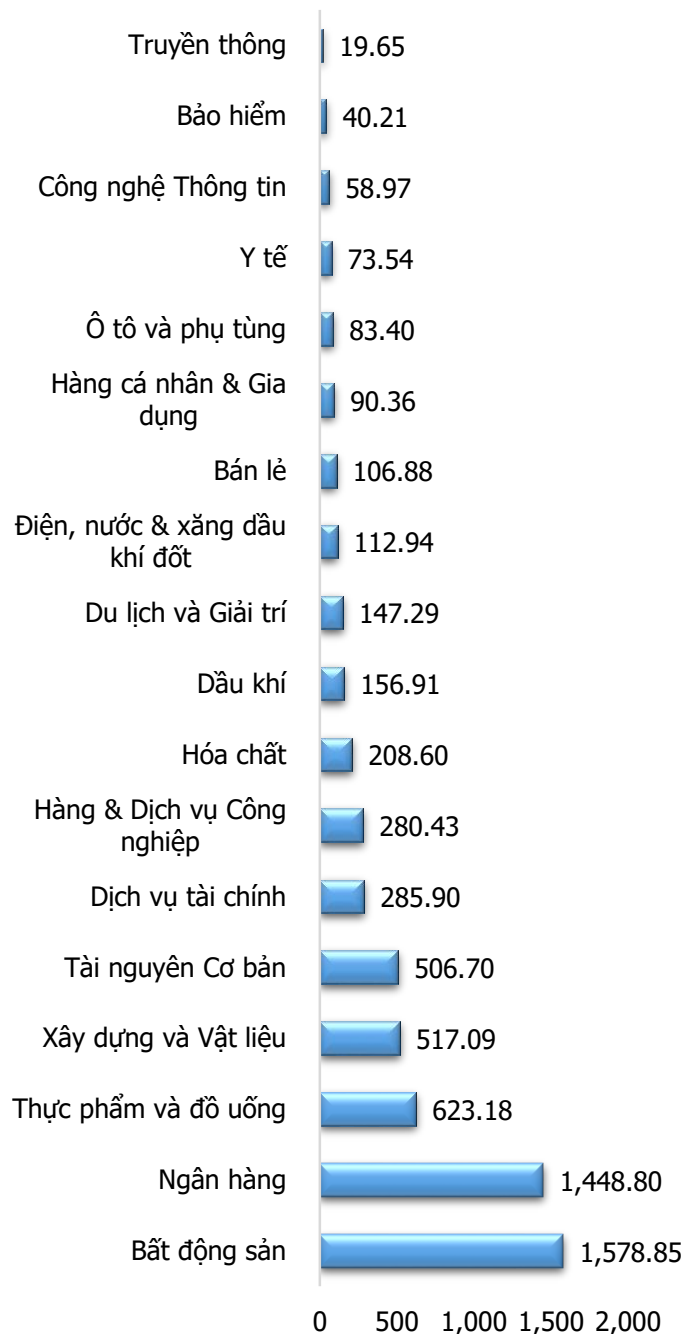
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VCS	1.69	SHB	7.20
TIG	0.67	KLF	1.00
AMV	0.33	DGC	0.53
PVS	0.17	MCC	0.38
HHG	0.13	SD6	0.22

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	TV2	79.3	87.9	72.2	79.7	78.5					Chờ khớp
	VGC	19.0	21.1	17.3	19.1	18.8					Chờ khớp
	VRE	26.4	29.2	24.0	26.8	26.1					Chờ khớp
	L14	71.7	79.5	65.3	71.9	71.0					Chờ khớp
	LIX	58.1	64.4	52.9	58.0	57.5					Chờ khớp
	TAR	22.2	24.6	20.2	22.7	22.0					Chờ khớp
	NRC	10.3	11.4	9.4	10.7	10.2					Chờ khớp
	SGN	74.7	82.9	68.1	72.00	74.00		6/10/2020		-2.7%	Nắm giữ
	TDT	10.3	11.4	9.4	11.80	10.20		6/10/2020		15.7%	Nắm giữ
	VTK	26.3	29.1	23.9	25.20	26.00		6/9/2020		-3.1%	Nắm giữ
	NLG	24.2	26.9	22.1	24.90	24.00		6/5/2020		3.7%	Nắm giữ
	DLG	1.6	1.7	1.4	1.87	1.54		6/2/2020		21.4%	Nắm giữ
	TDG	1.8	2.0	1.6	1.94	1.78		6/1/2020		9.0%	Nắm giữ
	NHA	10.9	12.1	9.9	10.30	10.80		5/29/2020		-4.6%	Nắm giữ
	DVN	11.6	12.9	10.6	11.20	11.50		5/27/2020		-2.6%	Nắm giữ
	PWA	9.1	10.1	8.3	9.00	9.00		5/15/2020		0.0%	Nắm giữ
	SBT	14.6	16.2	13.3	14.90	14.50		5/12/2020		2.8%	Nắm giữ
	BSR	6.1	6.7	5.5	7.10	6.00		4/21/2020		18.3%	Nắm giữ
VCR	8.6	9.5	7.8	9.50	8.50		4/21/2020		11.8%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	SJS	16.1	17.8	14.6	22.60	15.90	22.00	4/7/2020	6/12/2020	38.4%	Đã bán
	DP3	64.6	71.7	58.9	85.30	64.00	86.0	8/5/2019	5/25/2020	34.4%	Đã bán
	SNZ	18.9	20.9	17.2	24.80	18.70	24.30	4/21/2020	6/12/2020	29.9%	Đã bán
	SIP	72.8	80.8	66.3	91.00	72.10	94.50	4/14/2020	6/12/2020	28.3%	Đã bán
	LPB	6.5	7.2	5.9	7.80	6.40	8.00	4/7/2020	5/28/2020	25.0%	Đã bán
	MSN	53.0	58.8	48.3	62.00	52.50	62.50	3/9/2020	5/25/2020	19.0%	Đã bán
	TIG	5.8	6.4	5.2	6.60	5.70	6.70	4/21/2020	6/3/2020	17.5%	Đã bán
	C32	20.7	23.0	18.9	24.00	20.50	24.00	4/13/2020	6/12/2020	17.1%	Đã bán
	VIB	15.2	16.8	13.8	17.00	15.00	17.30	5/12/2020	6/12/2020	15.3%	Đã bán
	HBC	8.0	8.8	7.3	9.04	7.90	9.10	4/28/2020	5/28/2020	15.2%	Đã bán
	C69	5.2	5.7	4.7	5.60	5.10	5.80	4/13/2020	5/25/2020	13.7%	Đã bán
	VTP	112.1	124.3	102.1	125.00	111.00	126.00	4/10/2020	5/25/2020	13.5%	Đã bán
	G36	4.9	5.5	4.5	5.70	4.90	5.50	5/27/2020	6/12/2020	12.2%	Đã bán
	PAC	20.7	23.0	18.9	21.25	20.50	23.00	4/27/2020	5/25/2020	12.2%	Đã bán
	HMC	12.6	14.0	11.5	13.60	12.50	14.00	4/20/2020	5/25/2020	12.0%	Đã bán
	ILB	15.3	16.9	13.9	16.80	15.10	16.90	4/28/2020	6/12/2020	11.9%	Đã bán
	SAS	27.5	30.5	25.0	28.30	27.20	28.30	4/21/2020	5/29/2020	10.7%	Đã bán
	PLX	43.2	47.9	39.4	46.40	42.80	46.40	4/21/2020	5/25/2020	8.4%	Đã bán
	PME	61.1	67.8	55.7	59.00	60.50	59.70	4/29/2020	5/25/2020	7.9%	Đã bán
	SMB	29.9	33.2	27.2	31.60	29.60	31.90	4/15/2020	5/27/2020	7.8%	Đã bán
	TLG	28.8	31.9	26.2	30.00	28.50	30.50	4/9/2020	5/5/2020	7.0%	Đã bán
	HDC	17.5	19.4	15.9	17.65	17.30	18.30	5/7/2020	5/25/2020	5.8%	Đã bán
	PVC	5.2	5.7	4.7	5.30	5.10	5.40	5/12/2020	5/25/2020	5.9%	Đã bán
	VCS	60.8	67.4	55.4	64.00	60.20	63.50	4/21/2020	6/12/2020	5.5%	Đã bán
	DIG	11.8	13.1	10.8	12.40	11.70	12.30	5/12/2020	6/12/2020	5.1%	Đã bán
	OIL	7.7	8.5	7.0	8.00	7.60	8.00	5/7/2020	5/25/2020	5.3%	Đã bán
	CVT	17.2	19.0	15.6	17.80	17.00	17.90	5/12/2020	5/28/2020	5.3%	Đã bán
CTG	22.2	24.6	20.2	22.40	22.00	22.90	5/20/2020	5/28/2020	4.1%	Đã bán	
CII	19.4	21.5	17.7	19.70	19.20	19.80	4/21/2020	5/25/2020	3.1%	Đã bán	
SGP	6.5	7.2	5.9	6.70	6.40	6.60	5/22/2020	6/12/2020	3.1%	Đã bán	
DRI	4.1	4.6	3.8	4.00	4.10	4.20	4/27/2020	5/26/2020	2.4%	Đã bán	
ASP	5.4	5.9	4.9	5.25	5.30	5.40	5/14/2020	5/26/2020	1.9%	Đã bán	

DCL	21.2	23.5	19.3	21.10	21.00	21.40	6/2/2020	6/12/2020	1.9%	Đã bán
PVS	12.5	13.9	11.4	12.40	12.40	12.60	5/12/2020	5/25/2020	1.6%	Đã bán
AAA	12.5	13.9	11.4	12.15	12.40	12.60	5/13/2020	6/16/2020	1.6%	Đã bán
SKG	10.6	11.8	9.7	10.60	10.50	10.60	6/8/2020	6/12/2020	1.0%	Đã bán
VRE	26.4	29.2	24.0	25.50	26.10	26.20	5/21/2020	5/28/2020	0.4%	Đã bán
GEX	17.2	19.0	15.6	17.05	17.00	17.10	5/20/2020	6/4/2020	0.6%	Đã bán
SLS	52.5	58.2	47.8	51.00	52.00	52.00	5/21/2020	6/12/2020	0.0%	Đã bán
DHC	37.9	42.0	34.5	37.50	37.50	37.50	5/4/2020	5/15/2020	0.0%	Đã bán
DIC	2.0	2.2	1.8	1.95	2.00	2.00	6/11/2020	6/16/2020	0.0%	Đã bán
GIL	20.8	23.1	19.0	18.00	20.60	18.30	6/11/2020	6/16/2020	-11.2%	Đã bán
VSC	29.9	33.2	27.2	25.95	29.60	27.00	6/11/2020	6/16/2020	-8.8%	Đã bán
NTL	18.5	20.5	16.8	16.80	18.30	16.80	6/2/2020	6/12/2020	-8.2%	Đã bán
HDG	30.0	33.3	27.3	27.70	29.70	27.20	6/10/2020	6/15/2020	-8.0%	Đã bán
DQC	17.8	19.7	16.2	16.30	17.60	16.20	4/20/2020	5/4/2020	-8.0%	Đã bán
MPC	29.4	32.6	26.8	26.10	29.10	26.80	6/9/2020	6/11/2020	-7.9%	Đã bán
DRC	20.6	22.8	18.8	19.50	20.40	18.80	5/27/2020	6/15/2020	-7.8%	Đã bán
STK	18.4	20.4	16.7	16.50	18.20	16.80	6/11/2020	6/16/2020	-7.7%	Đã bán
PVB	15.7	17.4	14.3	14.20	15.50	14.30	6/9/2020	6/15/2020	-7.7%	Đã bán
CVT	19.1	21.2	17.4	17.60	18.90	17.60	6/10/2020	6/15/2020	-6.9%	Đã bán
DXG	10.3	11.4	9.4	9.35	10.20	9.50	4/21/2020	5/5/2020	-6.9%	Đã bán
D2D	62.4	69.2	56.9	59.20	61.80	57.60	6/2/2020	6/12/2020	-6.8%	Đã bán
PVT	11.6	12.9	10.6	10.90	11.50	10.75	6/4/2020	6/12/2020	-6.5%	Đã bán
MBB	18.5	20.5	16.8	17.00	18.30	17.40	6/11/2020	6/16/2020	-4.9%	Đã bán
DCL	21.9	24.3	20.0	20.20	21.70	20.65	4/20/2020	5/7/2020	-4.8%	Đã bán
VJC	119.2	132.2	108.6	113.10	118.00	113.00	5/11/2020	5/26/2020	-4.2%	Đã bán
GVR	13.4	14.9	12.2	12.15	13.30	12.80	6/10/2020	6/15/2020	-3.8%	Đã bán
BVH	51.6	57.2	47.0	47.20	51.10	49.20	5/27/2020	6/16/2020	-3.7%	Đã bán
VND	13.5	15.0	12.3	13.00	13.40	12.90	6/5/2020	6/12/2020	-3.7%	Đã bán
HT1	14.3	15.9	13.1	14.10	14.20	13.70	5/28/2020	6/12/2020	-3.5%	Đã bán
DLG	1.5	1.7	1.4	1.46	1.51	1.46	5/15/2020	5/26/2020	-3.3%	Đã bán
PHR	52.4	58.1	47.7	50.00	51.90	50.50	6/2/2020	6/12/2020	-2.7%	Đã bán
QCG	8.2	9.1	7.5	7.90	8.11	7.90	6/5/2020	6/12/2020	-2.6%	Đã bán
DCL	21.2	23.5	19.3	20.30	21.00	20.50	5/15/2020	5/26/2020	-2.4%	Đã bán
KDH	22.3	24.8	20.3	21.30	22.10	21.60	5/20/2020	5/25/2020	-2.3%	Đã bán
HDB	24.2	26.9	22.1	23.70	24.00	23.90	5/22/2020	5/28/2020	-0.4%	Đã bán
HVN	19.6	21.7	17.8	27.65	19.40	28.30	4/8/2020	4/21/2020	45.9%	Đã bán
BMI	15.4	17.0	14.0	21.00	15.20	21.80	3/30/2020	4/20/2020	43.4%	Đã bán
DBC	18.2	20.2	16.6	19.80	18.00	20.50	3/31/2020	4/10/2020	30.2%	Đã bán
TDH	6.7	7.4	6.1	8.17	6.60	8.50	4/7/2020	4/22/2020	28.8%	Đã bán
HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	2/10/2020	3/10/2020	27.6%	Đã bán
FCN	7.4	8.2	6.7	8.08	7.30	8.15	3/19/2020	4/22/2020	11.6%	Đã bán
CTR	33.3	37.0	30.4	36.00	33.00	36.80	4/8/2020	4/22/2020	11.5%	Đã bán
GMD	16.0	17.7	14.5	16.90	15.80	17.50	4/8/2020	4/22/2020	10.8%	Đã bán
AGG	26.5	29.4	24.2	28.30	26.25	29.10	3/23/2020	4/13/2020	10.9%	Đã bán
FPT	47.0	52.1	42.8	49.30	46.50	51.00	4/7/2020	4/22/2020	9.7%	Đã bán
HBC	7.1	7.8	6.4	7.36	7.00	7.60	4/8/2020	4/22/2020	8.6%	Đã bán
DVN	10.4	11.5	9.5	10.60	10.30	10.80	4/10/2000	4/22/2020	4.9%	Đã bán
SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	2/13/2020	3/10/2020	4.9%	Đã bán
MSR	15.2	16.8	13.8	15.20	15.00	15.60	3/19/2020	4/22/2020	4.0%	Đã bán
HDB	20.3	22.5	18.5	20.10	20.10	20.70	4/7/2020	4/22/2020	3.0%	Đã bán
KDC	16.8	18.6	15.3	16.85	16.60	17.00	4/15/2020	4/22/2020	2.4%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VHM	74,900	4,900	7.00%	3,077,090
VRE	26,750	1,750	7.00%	3,097,330
VAF	8,260	540	6.99%	20
TTF	3,060	200	6.99%	3,481,360
JVC	3,980	260	6.99%	2,509,280

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	700	100	16.67%	774,844
ACM	800	100	14.29%	1,028,849
HKB	1,000	100	11.11%	217,559
KVC	1,000	100	11.11%	670,700
BII	1,000	100	11.11%	1,037,520

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
QBS	3,100	-230	-6.91%	53,120
UDC	3,890	-290	-6.94%	34,500
PTL	3,340	-250	-6.96%	4,860
KPF	14,650	-1,100	-6.98%	20
MCG	1,860	-140	-7.00%	42,210

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
UNI	3,900	-400	-9.30%	160
SHN	7,800	-800	-9.30%	136,341
LM7	2,900	-300	-9.38%	900
NHC	30,900	-3,400	-9.91%	100
VC9	8,100	-900	-10.00%	3,200

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HQC	2,380	120	5.31%	51,925,570
DLG	1,870	-30	-1.58%	16,048,510
SJF	3,510	110	3.24%	7,578,580
EVG	5,130	330	6.88%	3,352,360
TSC	3,170	200	6.73%	2,794,090

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MST	3,800	200	5.56%	2,440,121
DST	7,700	-200	-2.53%	1,712,754
TVC	15,900	-1,200	-7.02%	1,169,639
BII	1,000	100	11.11%	1,037,520
TAR	22,700	1,200	5.58%	906,969

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HQC	2,380	120	5.31%	51,925,570
ITA	5,730	-360	-5.91%	22,325,550
STB	11,900	-150	-1.24%	18,761,140
DLG	1,870	-30	-1.58%	16,048,510
FLC	3,410	110	3.33%	14,480,600

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	2,800	100	3.70%	9,049,181
SHB	16,100	300	1.90%	8,303,243
ACB	23,800	500	2.15%	4,198,360
KLF	2,100	100	5.00%	3,626,541
PVS	12,300	400	3.36%	3,607,700

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	160,479	18,921	2,158	0.7%	16.2%	18.49	2.11	1,278,641	40,700	28.37%
2	CTD	4,791	111,923	8,456	11.2%	22.5%	7.43	0.56	261,648	63,800	-36.69%
3	CTG	83,032	21,018	2,510	0.7%	11.9%	8.88	1.06	7,495,384	23,250	9.85%
4	BVH	35,038	25,993	1,128	1.3%	8.4%	41.85	1.82	569,311	49,200	-40.19%
5	PLX	52,396	15,779	1,032	5.8%	16.2%	42.63	2.79	723,989	44,300	-24.52%
6	EIB	22,376	13,142	774	0.9%	8.6%	23.51	1.38	3,231,085	17,900	0.00%
7	FPT	36,060	18,804	4,171	11.7%	23.0%	11.03	2.45	2,142,313	46,600	23.70%
8	GAS	137,996	26,569	5,875	17.5%	25.7%	12.27	2.71	623,102	73,100	-27.69%
9	POW	24,590	11,670	878	3.9%	8.9%	11.96	0.90	4,575,831	10,700	-32.69%
10	HDB	26,370	20,360	3,782	1.4%	18.6%	7.22	1.34	1,882,535	27,300	2.63%
11	HPG	70,131	18,066	2,895	16.4%	26.8%	8.77	1.41	9,237,768	26,200	10.68%
12	MBB	40,994	17,421	3,334	1.4%	14.9%	5.10	0.98	7,166,545	17,400	-11.30%
13	MSN	65,929	36,258	3,952	8.9%	26.1%	14.27	1.56	2,713,584	57,600	-33.02%
14	MWG	37,357	29,527	8,817	12.2%	41.3%	9.36	2.79	1,310,600	84,400	-7.41%
15	NVL	53,519	23,335	3,639	3.7%	13.6%	15.17	2.37	1,875,860	56,600	-7.07%
16	PNJ	12,881	22,139	5,238	18.8%	28.3%	10.92	2.58	980,308	58,800	-20.41%
17	REE	9,379	32,671	4,975	11.6%	19.1%	6.08	0.93	845,946	30,700	-0.35%
18	ROS	1,691	10,645	270	7.6%	14.0%	11.04	0.28	16,871,628	3,100	-90.29%
19	SAB	106,453	26,870	7,068	22.0%	30.1%	23.48	6.18	169,729	166,100	-37.71%
20	SBT	8,943	12,584	174	3.0%	8.0%	84.48	1.17	2,440,268	14,900	-12.50%
21	SSI	8,684	15,336	1,165	6.6%	14.4%	12.41	0.94	3,171,344	15,200	-29.40%
22	STB	21,734	15,273	1,329	0.4%	6.3%	9.07	0.79	10,439,784	11,900	3.43%
23	TCB	70,353	18,356	2,987	3.1%	25.6%	6.73	1.09	4,925,264	20,600	-5.19%
24	VCB	304,128	22,914	4,849	1.2%	20.3%	16.91	3.58	1,329,613	83,700	19.55%
25	VHM	230,266	19,128	7,688	0.0%	0.0%	9.10	3.66	3,980,010	74,900	-11.34%
26	VIC	301,036	23,007	2,023	1.6%	5.8%	44.00	3.87	1,158,779	93,400	-22.94%
27	VJC	57,098	26,251	3,328	15.1%	45.4%	32.75	4.15	487,110	107,700	-10.44%
28	VNM	195,034	17,234	6,061	28.5%	38.9%	18.48	6.50	1,804,433	117,000	-7.16%
29	VPB	52,655	18,264	3,749	2.6%	24.1%	5.76	1.18	6,494,436	22,200	16.13%
30	VRE	56,808	12,063	1,180	5.6%	7.9%	21.18	2.07	2,989,576	26,750	-28.37%

(Nguồn: Fiiipro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglec@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: minhdq@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: www.vn-cs.com